

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 10/2023/DS-ST

Ngày: 15/02/2023.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thành Phước.

2. Bà Đỗ Thị Thúy Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 183/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2022/QĐXXST-DS ngày 28/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-DS ngày 16/01/2023. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Lê Thị Kim P trình bày: Bà H có vay tiền của bà P tổng cộng 03 lần với tổng số tiền vay là 750.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 1%/tháng, cụ thể như sau: Lần thứ nhất: vào ngày 28/4/2021 bà P có cho bà H mượn số tiền là 250.000.000 đồng để bà H mua đất, thời hạn trả nợ vay là 12 tháng; Lần thứ hai: vào ngày 23/5/2022 bà P cho bà H mượn tiếp số tiền là 300.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vay là 10 ngày; Lần thứ ba: vào ngày 07/6/2022 bà P cho bà H mượn tiếp số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn trả nợ

vay là 30 ngày vì số tiền này bà H hứa là để cho chị thứ ba của bà H trả tiền nhà nước rồi sẽ trả cho bà P tổng số tiền 750.000.000 đồng mà bà H đã mượn của bà. Tuy nhiên, sau khi vay bà H không có trả tiền vay theo thỏa thuận, còn nợ lại bà P số tiền vốn gốc là 750.000.000 đồng. Do đó, nay bà P yêu cầu bà H phải hoàn trả cho bà P số tiền vay là 750.000.000 đồng vốn gốc, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim P, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà P số tiền vay là 750.000.000 đồng. Ghi nhận bà P không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn là bà Lê Thị Kim P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà P, bà H là phù hợp.

[2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 03 văn bản có cùng tiêu đề: “Hợp đồng vay tài sản” đề các ngày 28/4/2021, ngày 23/5/2022, ngày 07/6/2022 có ghi địa chỉ của bà Nguyễn Thị H là ở ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị H đã cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn bà P cung cấp là 03 văn bản có cùng tiêu đề: “Hợp đồng vay tài sản” đề các ngày 28/4/2021, ngày 23/5/2022, ngày 07/6/2022 thể hiện nội dung như sau: Văn bản ngày 28/4/2021 ghi: “BÊN CHO VAY (sau đây gọi là bên A): Lê Thị Kim P, sinh năm 1973...BÊN VAY (sau đây gọi là bên B): Nguyễn Thị H, sinh năm 1978. CMND số: 321349662, cấp ngày: 09/9/2006 tại Bến Tre. Địa chỉ thường trú: ấp T xã T...bên A đồng ý cho bên B vay số tiền là: 250.000.000 đồng Việt Nam (Bằng chữ: hai trăm năm mươi triệu đồng Việt Nam); Thời gian vay 12 tháng tính bắt đầu từ ngày 28/4/2021 thì bên B phải có trách nhiệm trả tất nợ gốc bên A...Bên vay: H, Nguyễn Thị H; Bên cho vay: Lê Thị Kim P”. Văn bản ngày 23/5/2022 ghi: “BÊN

CHO VAY (sau đây gọi là bên A): Lê Thị Kim P, sinh năm 1973...BÊN VAY (sau đây gọi là bên B): Nguyễn Thị H, sinh năm 1978. CMND số: 083173014415. Địa chỉ thường trú: ấp T, xã T...bên A đồng ý cho bên B vay số tiền là: 300.000.000 đồng Việt Nam (Bằng chữ: ba trăm triệu đồng chẵn Việt Nam); Thời gian vay 10 ngày tính bắt đầu từ ngày 24/5/2022 thì bên B phải có trách nhiệm trả tất nợ gốc bên A...Bên vay: H, Nguyễn Thị H; Bên cho vay: Lê Thị Kim P”. Văn bản ngày 07/6/2022 ghi: “BÊN CHO VAY (sau đây gọi là bên A): Lê Thị Kim P, sinh năm 1973...BÊN VAY (sau đây gọi là bên B): Nguyễn Thị H, sinh năm 1978. Địa chỉ thường trú: ấp T, xã T...bên A đồng ý cho bên B vay số tiền là: 200.000.000 đồng Việt Nam (Bằng chữ: hai trăm triệu đồng chẵn Việt Nam); Thời gian vay 30 ngày tính bắt đầu từ ngày 07/6/2022 thì bên B phải có trách nhiệm trả tất nợ gốc bên A...Bên vay: H, Nguyễn Thị H; Bên cho vay: Lê Thị Kim P”.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ: bản sao đơn khởi kiện của bà Lê Thị Kim P và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của bà P; thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ cho phía bị đơn là bà Nguyễn Thị H, tuy nhiên bà H vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời không có giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của bà H đối với yêu cầu của nguyên đơn bà P, cũng như không có giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để phản đối yêu cầu của nguyên đơn bà P đưa ra. Do đó, căn cứ vào Điều 91 và 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: có đủ căn cứ xác định bà H đã vay tiền của bà P tổng số tiền vay là 750.000.000 đồng, do đó bản thân bà H là bên vay đã tham gia giao dịch về vay tiền với bà P nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền vay của mình là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc bà H phải hoàn trả cho bà P số tiền vay là 750.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc bà P không yêu cầu tính lãi là sự tự nguyện của bà nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: buộc bà H phải chịu do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P được Tòa án chấp nhận, án phí bà H phải chịu là: 750.000.000 đồng x 5% = 37.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim P.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền vay là 750.000.000 đồng vốn gốc.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí là 37.500.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.450.000 đồng theo biên lai thu số 0000547 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Án phí sung vào công quỹ nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt